

Số: 14 /QĐ-SNN

Hưng Yên, ngày 06 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên số: 1159/QĐ-UB ngày 10/6/2010 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên; số 2968/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Phòng KH-TC-TTNN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh theo phụ biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Lãnh đạo Văn phòng, Sở, Phòng KH-TC-TTNN và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nh điều 2;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tài chính;
- Phòng KH-TC-TTNN,
- Lu VT.



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO NĂM 2019(Kèm theo Quyết định số *19* /QĐ-UBND ngày *06* /01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	HĐND tỉnh giao	UBND tỉnh giao		
			Tiết kiệm 10% giao cho đơn vị	Tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách tỉnh	Dự toán giao cho cơ quan, đơn vị
1	2	3	4	5	6
I	Dự toán thu, chi phí, lệ phí				
	Tổng số thu từ phí, lệ phí	1.232			1.232
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ	1.094			1.094
	Số nộp NSNN	138			138
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	127.624	885	6.310	120.429
1	Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT	12.075	117	330	11.628
	- <i>Tự chủ</i>	5.579	117		5.462
	- <i>Không tự chủ</i>	6.496		330	6.166
	+ Thanh tra, kiểm tra điều kiện SXKD, chất lượng Vật tư nông nghiệp	300			
	+ Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và giới thiệu sản phẩm	500			
	+ Kiểm tra chất lượng trong thức ăn chăn nuôi	250			
	+ Tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu	100			
	+ Tập huấn, hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp	150			
	+ Công tác quản lý giống vật nuôi trên toàn tỉnh	250			
	+ Hội nghị đầu bờ cây vụ đông, cánh đồng mẫu vụ xuân, mùa	90			
	+ Hội nghị tập huấn kỹ thuật thâm canh các giống lúa hỗ trợ, trồng và thâm canh các cây vụ đông và hướng dẫn thực hiện chuyển đổi đất lúa	1.000			

+ Tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ngành	270			
+ Kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh tại các địa phương; kiểm tra, giám sát tái cơ cấu nông nghiệp; khảo sát, đánh giá diện tích năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu	115			
+ Chi các đoàn khách nước ngoài; đoàn trung ương và tỉnh bạn đến làm việc	130			
+ Tiếp tục thực hiện Dự án Thông tin khuyến nông - Thị trường	800			
+ Ứng dụng công nghệ Nano Bạc để bảo quản Nhãn, hạn chế tác hại của côn trùng, chống rụng quả và nứt quả	500			
+ Kinh phí phục vụ giao ban trực tuyến	50			
+ Hội nghị tập huấn thống kê Ngành (mở rộng tập huấn cán bộ nông nghiệp cấp huyện và cấp xã)	50			
+ Tham quan mô hình hiệu quả kinh tế cao	60			
+ Chính lý tài liệu lưu trữ	50			
+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc	200			
+ Mua trang phục Thanh tra	18			
+ Kinh phí diệt mối	98			
+ Tổ chức chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap (thực hành SXNN tốt) trên một số cây ăn quả chủ lực giai đoạn 2018-2020	1.000			
+ Hỗ trợ Ban chỉ đạo Đề án tích tụ, tập trung ruộng đất để SXNN hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017-2020 (60 trđ); BCD Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp (80 trđ)	140			
+ Thuê tư vấn xây dựng thuyết minh Đề án "Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên"	300			

	+ Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP	75			
2	Các đề án, dự án do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện	14.000		1.400	12.600
	+ Dự án tăng cường khảo nghiệm để phát triển nhanh những giống cây trồng mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng tỉnh HY giai đoạn 2016-2020	2.000			
	+ Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo hướng Vietgahp	1.000			
	+ Đề án giống vật nuôi	1.000			
	+ Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản	1.000			
	+ Đề án “Chọn lọc, duy trì giống nếp Thơm Hưng Yên và phục tráng một số giống lúa chủ lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022”	2.000			
	+ Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023	4.000			
	+ Kinh phí hỗ trợ mua giống và lưu giữ giống gốc: cây đầu dòng, gà	1.000			
	+ Vốn đối ứng Dự án Lifsap	2.000			
3	Chi cục Bảo vệ thực vật	10.165	138	250	9.777
	- <i>Tự chủ</i>	6.330	138		6.192
	- <i>Không tự chủ</i>	3.835		250	3.585
	+ Tiền làm thêm giờ cho cán bộ CCVC trực phòng trừ sâu bệnh hàng năm	350			
	+ May đồng phục, trang phục thanh tra, kiểm dịch	25			
	+ Chi lấy mẫu, kiểm định mẫu thuốc BVTV	100			
	+ Chi tập huấn chuyển giao kỹ thuật BVTV	300			
	+ Tập huấn kỹ thuật diệt chuột diện rộng	130			

	+ Dự án "Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) gắn với sản xuất nông sản hữu cơ trên cây trồng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2021"	2.500			
	+ Mua sắm TTB, TSCĐ	240			
	+ Xây dựng hệ thống bể đèn để cảnh báo phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam	130			
	+ Tiền thuê trụ sở làm việc trạm Văn Lâm	60			
4	Chi cục Kiểm lâm	2.060	35		2.025
	- <i>Tự chủ</i>	1.800	35		1.765
	- <i>Không tự chủ</i>	260			260
	+ Trang phục kiểm lâm	40			
	+ Kinh phí đảm bảo hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính	180			
	+ Mua máy tính và máy in cho các phòng	40			
5	Chi cục Phát triển nông thôn	13.681	62	300	13.319
	- <i>Tự chủ</i>	2.753	62		2.691
	- <i>Không tự chủ</i>	10.928		300	10.628
	+ Tập huấn trang trại	300			
	+ Hỗ trợ thực hiện dự án cơ giới hóa NN theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh (trong đó có máy cuốn rơm)	2.000			
	+ Kinh phí tập huấn Hợp tác xã và tổ hợp tác	300			
	+ Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND	6.000			
	+ Tổ chức thẩm định công nhận và khen thưởng làng nghề	70			
	+ Tuyên truyền Chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề và bảo vệ môi trường	200			
	+ Tập huấn ngành nghề và làng nghề nông thôn	100			
	+ Mua sắm máy vi tính, máy in	60			
	+ Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác	600			

	+ Xây dựng Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh HY giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030 (Ocop)" còn thiếu	198			
	+ Thực hiện Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh HY giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030 (Ocop)"	1.000			
	+ Hoạt động BCD đổi mới, phát triển kinh tế tập thể HTX Theo QĐ 1546/QĐ-UBND ngày 01/6/2017	50			
	+ Hội nghị kiểm tra, giám sát, tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ trẻ về làm việc ở HTX theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 09/07/2018	50			
6	Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản	8.498	35	580	7.883
	- <i>Tự chủ</i>	<i>1.399</i>	<i>35</i>		<i>1.364</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>7.099</i>		<i>580</i>	<i>6.519</i>
	+ Thanh, kiểm tra đánh giá cơ sở SXKD, nông lâm thủy sản	150			
	+ Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo tập huấn kiến thức ATTP nông lâm thủy sản	250			
	+ Giám sát cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh	200			
	+ Đề án xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản (rau, quả, thịt, cá) đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020	5.000			
	+ Tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy trình công nghệ, điều kiện an toàn cơ sở chế biến bảo quản nông lâm thủy sản	200			
	+ Vốn đối ứng Dự án - JICA "Tăng cường độ tin cậy trong SX cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc"	300			
	+ Trang phục thanh tra	25			
	+ Xây dựng, phát triển ban đầu mô hình quản lý chuỗi thực phẩm an toàn.	800			

	+ Máy móc, thiết bị văn phòng và máy móc hoạt động chuyên môn	174			
7	Chi cục QL đề điều và PCLB	8.555	122	150	8.283
	- <i>Tự chủ</i>	<i>5.380</i>	<i>122</i>		<i>5.258</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>3.175</i>	<i>0</i>	<i>150</i>	<i>3.025</i>
	- <i>Hoạt động của Chi cục</i>	<i>2.575</i>		<i>150</i>	<i>2.425</i>
	+ Phụ cấp trực làm đêm, làm thêm giờ PCLB, xăng xe, điện thoại	200			
	+ Thuê kiểm kê kho vật tư chống lụt	100			
	+ Trợ cấp thủ công, thủ đá, thủ kho	200			
	+ Sắc phục Hạt Quản lý đề	100			
	+ Khí tượng thủy văn	300			
	+ Khảo sát đề kê	100			
	+ Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ chi tiết tuyến sông Hồng, sông Luộc trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	1.545			
	+ Sửa chữa kho vật tư PCLB, cải tạo sân trước trụ sở; sơn lại cổng, tường rào hoa sắt (Hạt QLĐ Kim Động)	30			
	- <i>Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh</i>	<i>600</i>			<i>600</i>
8	Chi cục thú y	35.897	158	2.800	32.939
	- <i>Tự chủ</i>	<i>6.967</i>	<i>158</i>		<i>6.809</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>28.930</i>		<i>2.800</i>	<i>26.130</i>
	+ Tiêm phòng gia súc, gia cầm	23.000			
	+ Mua hóa chất khử trùng tiêu độc phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản	5.000			
	+ Hoạt động thanh tra chuyên ngành	130			
	+ Trang phục chuyên ngành	100			
	+ Tập huấn về công tác thú y	400			
	+ KP phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y	240			
	+ Thuê nhà cho trạm thú y huyện Văn Lâm	60			
9	Chi cục thủy lợi	1.447	26		1.421
	- <i>Tự chủ</i>	<i>1.172</i>	<i>26</i>		<i>1.146</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>275</i>			<i>275</i>

	+ Trục chống úng, chống hạn nội đồng, xăng xe, điện thoại	160			
	+ Thanh tra chuyên ngành: Máy trang phục thanh tra, chi hoạt động thanh tra	40			
	+ Mua 02 bộ máy vi tính để bàn, sửa chữa tài sản cố định, trang thiết bị làm việc	75			
10	Chi cục Thủy sản	3.947	21	235	3.691
	- <i>Tự chủ</i>	826	21		805
	- <i>Không tự chủ</i>	3.121		235	2.886
	+ Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	220			
	+ Bảo vệ tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản	200			
	+ Dự án Phát triển công nghệ "Nuôi cá sông trong ao nước tĩnh"	1.000			
	+ Dự án "Phát triển cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021" (Trong đó, hỗ trợ kinh phí xây dựng lồng nuôi 750 trđ)	1.350			
	+ Trang phục thanh tra	16			
	+ Tủ hút khí độc	65			
	+ Kinh phí kiểm tra dịch bệnh và chất lượng môi trường nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh	270			
11	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.766	19		2.747
	- <i>Tự chủ</i>	762	19		743
	- <i>Không tự chủ</i>	2.004			2.004
	+ Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo	284			
	+ Tiền làm ngoài giờ của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh và các thành viên giúp việc	460			
	+ In ấn tài liệu, sổ tay tuyên truyền NTM	340			
	+ Duy trì Website nông thôn mới	80			
	+ Hoạt động điều hành, giám sát, đánh giá	180			
	+ Tuyên truyền chương trình nông thôn mới	200			

			260	+ Chi thăm định xã đạt chuẩn nông thôn mới	
			200	+ Chi thăm tra, thăm định và công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ XD NTM	
12	Trung tâm Khuyến nông	10.620	115	265	10.240
	- Chi hoạt động thường xuyên	5.240	115		5.125
	- Chi hoạt động không thường xuyên	5.380		265	5.115
	+ Thông tin, tuyên truyền về khuyến nông	100			
	+ Thăm canh vai theo hướng Vietgap	180			
	+ Dự án xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch tại tỉnh Hưng Yên (hỗ trợ máy ép phân)	890			
	+ Mô hình nhân Vietgap	1.000			
	+ Dự án ứng dụng công nghệ cao để trồng dưa vàng, dưa lưới ở tỉnh Hưng Yên phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2017-2020				
	+ Tập huấn kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi, nâng cao hiệu quả sản xuất NN	300			
	+ Mô hình nhân giống bò chuyên thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo	160			
	+ Mô hình Chăn nuôi gà Đông Tảo lai an toàn sinh học	330			
	+ Mô hình vỗ béo bò thịt	250			
	+ Mô hình Nuôi ghép cá Chép lai V1 theo hướng Vietgap	300			
	+ Mua TTB làm việc cho GB, PGD và 03 viên chức mới tuyển dụng	130			
	+ Mô hình thâm canh cây có múi theo hướng VietGap	300			
	+ Mô hình nuôi cá trắm cỏ trong lồng	300			
	+ Mô hình sản xuất nấm tập trung	300			

13	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT	1.913	37		1.876
	- Chi hoạt động thường xuyên	1.513	37		1.476
	- Chi hoạt động không thường xuyên	400			400
	+ Kinh phí chi tuần lễ nước sạch và VSMTNT	150			
	+ Kinh phí cho công tác điều tra, giám sát, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và VSMTNT	200			
	+ Mua sắm trang thiết bị làm việc (02 VC mới tuyển dụng năm 2018)	50			
14	Chi sự nghiệp kinh tế khác, các quy hoạch ngành, lĩnh vực	2.000			2.000
	- BQL dự án ĐTXD công trình NN&PTNT: Hỗ trợ xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Tân Hưng	2.000			2.000

Bảng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn./.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-SNN ngày 06 /01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Dự toán thu, chi phí, lệ phí	
	Tổng số thu từ phí, lệ phí	1.232
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ	1.094
	Số nộp NSNN	138
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	127.624
1	Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT	12.075
	- Tự chủ	5.579
	- Không tự chủ	6.496
	+ Thanh tra, kiểm tra điều kiện SXKD, chất lượng Vật tư nông nghiệp	300
	+ Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và giới thiệu sản phẩm	500
	+ Kiểm tra chất lượng trong thức ăn chăn nuôi	250
	+ Tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu	100
	+ Tập huấn, hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp	150
	+ Công tác quản lý giống vật nuôi trên toàn tỉnh	250
	+ Hội nghị đầu bờ cây vụ đông, cánh đồng mẫu vụ xuân, mùa	90
	+ Hội nghị tập huấn kỹ thuật thâm canh các giống lúa hỗ trợ, trồng và thâm canh các cây vụ đông và hướng dẫn thực hiện chuyển đổi đất lúa	1.000
	+ Tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ngành	270
	+ Kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh tại các địa phương; kiểm tra, giám sát tái cơ cấu nông nghiệp; khảo sát, đánh giá diện tích năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu	115
	+ Chi các đoàn khách nước ngoài; đoàn trung ương và tỉnh bạn đến làm việc	130
	+ Tiếp tục thực hiện Dự án Thông tin khuyến nông - Thị trường	800

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Ứng dụng công nghệ Nano Bạc để bảo quản Nhân, hạn chế tác hại của côn trùng, chống rụng quả và nứt quả	500
	+ Kinh phí phục vụ giao ban trực tuyến	50
	+ Hội nghị tập huấn thống kê Ngành (mở rộng tập huấn cán bộ nông nghiệp cấp huyện và cấp xã)	50
	+ Tham quan mô hình hiệu quả kinh tế cao	60
	+ Chính lý tài liệu lưu trữ	50
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc	200
	+ Mua trang phục Thanh tra	18
	+ Kinh phí diệt mối	98
	+ Tổ chức chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap (thực hành SXNN tốt) trên một số cây ăn quả chủ lực giai đoạn 2018-2020	1.000
	+ Hỗ trợ Ban chỉ đạo Đề án tích tụ, tập trung ruộng đất để SXNN hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017-2020 (60 trđ); BCD Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp (80 trđ)	140
	+ Thuê tư vấn xây dựng thuyết minh Đề án "Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên"	300
	+ Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP	75
2	Các đề án, dự án do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện	14.000
	+ Dự án tăng cường khảo nghiệm để phát triển nhanh những	2.000
	+ Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo hướng Vietgahp	1.000
	+ Đề án giống vật nuôi	1.000
	+ Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản	1.000
	+ Đề án "Chọn lọc, duy trì giống nếp Thơm Hưng Yên và phục tráng một số giống lúa chủ lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022"	2.000
	+ Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023	4.000
	+ Kinh phí hỗ trợ mua giống và lưu giữ giống gốc: cây đầu dòng, gà	1.000
	+ Vốn đối ứng Dự án Lifesap	2.000
3	Chi cục Bảo vệ thực vật	10.165
	- Tự chủ	6.330

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Không tự chủ	3.835
	+ Tiền làm thêm giờ cho cán bộ CCVC trực phòng trừ sâu bệnh hàng năm	350
	+ May đồng phục, trang phục thanh tra, kiểm dịch	25
	+ Chi lấy mẫu, kiểm định mẫu thuốc BVTV	100
	+ Chi tập huấn chuyên giao kỹ thuật BVTV	300
	+ Tập huấn kỹ thuật diệt chuột diện rộng	130
	+ Dự án "Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) gắn với sản xuất nông sản hữu cơ trên cây trồng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2021"	2.500
	+ Mua sắm TTB, TSCĐ	240
	+ Xây dựng hệ thống bẫy đèn để cảnh báo phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam	130
	+ Tiền thuê trụ sở làm việc trạm Văn Lâm	60
4	Chi cục Kiểm lâm	2.060
	- Tự chủ	1.800
	- Không tự chủ	260
	+ Trang phục kiểm lâm	40
	+ Kinh phí đảm bảo hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính	180
	+ Mua máy tính và máy in cho các phòng	40
5	Chi cục Phát triển nông thôn	13.681
	- Tự chủ	2.753
	- Không tự chủ	10.928
	+ Tập huấn trang trại	300
	+ Hỗ trợ thực hiện dự án cơ giới hóa NN theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh (trong đó có máy cuôn rơm)	2.000
	+ Kinh phí tập huấn Hợp tác xã và tổ hợp tác	300
	+ Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND	6.000
	+ Tổ chức thẩm định công nhận và khen thưởng làng nghề	70
	+ Tuyên truyền Chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề và bảo vệ môi trường	200
	+ Tập huấn ngành nghề và làng nghề nông thôn	100
	+ Mua sắm máy vi tính, máy in	60
	+ Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác	600

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Xây dựng Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh HY giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030 (Ocop)" còn thiếu	198
	+ Thực hiện Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh HY giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030 (Ocop)"	1.000
	+ Hoạt động BCD đổi mới, phát triển kinh tế tập thể HTX Theo QĐ 1546/QĐ-UBND ngày 01/6/2017	50
	+ Hội nghị kiểm tra, giám sát, tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ trẻ về làm việc ở HTX theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 09/07/2018	50
6	Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản	8.498
	- <i>Tự chủ</i>	1.399
	- <i>Không tự chủ</i>	7.099
	+ Thanh, kiểm tra đánh giá cơ sở SXKD, nông lâm thủy sản	150
	+ Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo tập huấn kiến thức ATTP nông lâm thủy sản	250
	+ Giám sát cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh	200
	+ Đề án xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản (rau, quả, thịt, cá) đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020	5.000
	+ Tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy trình công nghệ, điều kiện an toàn cơ sở chế biến bảo quản nông lâm thủy sản	200
	+ Vốn đối ứng Dự án - JICA "Tăng cường độ tin cậy trong SX cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc"	300
	+ Trang phục thanh tra	25
	+ Xây dựng, phát triển ban đầu mô hình quản lý chuỗi thực phẩm an toàn.	800
	+ Máy móc, thiết bị văn phòng và máy móc hoạt động chuyên môn	174
7	Chi cục QL dê điều và PCLB	8.555
	- <i>Tự chủ</i>	5.380
	- <i>Không tự chủ</i>	3.175
	- <i>Hoạt động của Chi cục</i>	2.575

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Phụ cấp trực làm đêm, làm thêm giờ PCLB, xăng xe, điện thoại	200
	+ Thuê kiểm kê kho vật tư chống lụt	100
	+ Trợ cấp thủ công, thủ đá, thủ kho	200
	+ Sắc phục Hạt Quản lý đê	100
	+ Khí tượng thủy văn	300
	+ Khảo sát đê kè	100
	+ Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ chi tiết tuyến sông Hồng, sông Luộc trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	1.545
	+ Sửa chữa kho vật tư PCLB, cải tạo sân trước trụ sở; sơn lại cổng, tường rào hoa sắt (Hạt QLD Kim Động)	30
	- Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	600
8	Chi cục thú y	35.897
	- Tự chủ	6.967
	- Không tự chủ	28.930
	+ Tiêm phòng gia súc, gia cầm	23.000
	+ Mua hóa chất khử trùng tiêu độc phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản	5.000
	+ Hoạt động thanh tra chuyên ngành	130
	+ Trang phục chuyên ngành	100
	+ Tập huấn về công tác thú y	400
	+ KP phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y	240
	+ Thuê nhà cho trạm thú y huyện Văn Lâm	60
9	Chi cục thủy lợi	1.447
	- Tự chủ	1.172
	- Không tự chủ	275
	+ Trục chống úng, chống hạn nội đồng, xăng xe, điện thoại	160
	+ Thanh tra chuyên ngành: Máy trang phục thanh tra, chi hoạt động thanh tra	40
	+ Mua 02 bộ máy vi tính để bàn, sửa chữa tài sản cố định, trang thiết bị làm việc	75
10	Chi cục Thủy sản	3.947
	- Tự chủ	826
	- Không tự chủ	3.121
	+ Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	220
	+ Bảo vệ tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản	200

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Dự án Phát triển công nghệ "Nuôi cá sông trong ao nước tĩnh"	1.000
	+ Dự án "Phát triển cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021" (Trong đó, hỗ trợ kinh phí xây dựng lồng nuôi 750 trđ)	1.350
	+ Trang phục thanh tra	16
	+ Tủ hút khí độc	65
	+ Kinh phí kiểm tra dịch bệnh và chất lượng môi trường nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh	270
11	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.766
	- <i>Tự chủ</i>	762
	- <i>Không tự chủ</i>	2.004
	+ Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo	284
	+ Tiền làm ngoài giờ của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh và các thành viên giúp việc	460
	+ In ấn tài liệu, sổ tay tuyên truyền NTM	340
	+ Duy trì Website nông thôn mới	80
	+ Hoạt động điều hành, giám sát, đánh giá	180
	+ Tuyên truyền chương trình nông thôn mới	200
	+ Chi thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới	260
	+ Chi thẩm tra, thẩm định và công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ XD NTM	200
12	Trung tâm Khuyến nông	10.620
	- <i>Chi hoạt động thường xuyên</i>	5.240
	- <i>Chi hoạt động không thường xuyên</i>	5.380
	+ Thông tin, tuyên truyền về khuyến nông	100
	+ Thâm canh vải theo hướng Vietgap	180
	+ Dự án xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch tại tỉnh Hưng Yên (hỗ trợ máy ép phân)	890
	+ Mô hình nhân Vietgap	1.000
	+ Dự án ứng dụng công nghệ cao để trồng dưa vàng, dưa lưới ở tỉnh Hưng Yên phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2017-2020	840
	+ Tập huấn kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi, nâng cao hiệu quả sản xuất NN	300
	+ Mô hình nhân giống bò chuyên thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo	160

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Mô hình Chăn nuôi gà Đông Tảo lai an toàn sinh học	330
	+ Mô hình vỗ béo bò thịt	250
	+ Mô hình Nuôi ghép cá Chép lai V1 theo hướng Vietgap	300
	+ Mua TTB làm việc cho GD, PGD và 03 viên chức mới tuyển dụng	130
	+ Mô hình thâm canh cây có múi theo hướng VietGap	300
	+ Mô hình nuôi cá trắm cỏ trong lồng	300
	+ Mô hình sản xuất nấm tập trung	300
13	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT	1.913
	- <i>Chi hoạt động thường xuyên</i>	1.513
	- <i>Chi hoạt động không thường xuyên</i>	400
	+ Kinh phí chi tuần lễ nước sạch và VSMTNT	150
	+ Kinh phí cho công tác điều tra, giám sát, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và VSMTNT	200
	+ Mua sắm trang thiết bị làm việc (02 VC mới tuyển dụng năm 2018)	50
14	Chi sự nghiệp kinh tế khác, các quy hoạch ngành, lĩnh vực	2.000
	- BQL dự án ĐTXD công trình NN&PTNT: Hỗ trợ xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Tân Hưng	2.000

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn./.

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên

Chương: 412

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày tháng 01 năm 2019

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2019**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Văn phòng HĐND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2019 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Dự toán thu, chi phí, lệ phí				
	Tổng số thu từ phí, lệ phí	1.232	1.232	100%	100%
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ	1.094	1.094		
	Số nộp NSNN	138	138		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	127.624	127.624	100%	100%
1	Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT	12.075	12.075	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	5.579	5.579		
	- <i>Không tự chủ</i>	6.496	6.496		
	+ Thanh tra, kiểm tra điều kiện SXKD, chất lượng Vật tư nông nghiệp	300	300		
	+ Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và giới thiệu sản phẩm	500	500		
	+ Kiểm tra chất lượng trong thức ăn chăn nuôi	250	250		
	+ Tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu	100	100		
	+ Tập huấn, hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp	150	150		
	+ Công tác quản lý giống vật nuôi trên toàn tỉnh	250	250		
	+ Hội nghị đầu bờ cây vụ đông, cánh đồng mẫu vụ xuân, mùa	90	90		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Hội nghị tập huấn kỹ thuật thâm canh các giống lúa hỗ trợ, trồng và thâm canh các cây vụ đông và hướng dẫn thực hiện chuyển đổi đất lúa	1.000	1.000		
	+ Tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ngành	270	270		
	+ Kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh tại các địa phương; kiểm tra, giám sát tái cơ cấu nông nghiệp; khảo sát, đánh giá diện tích năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu	115	115		
	+ Chi các đoàn khách nước ngoài; đoàn trung ương và tỉnh bạn đến làm việc	130	130		
	+ Tiếp tục thực hiện Dự án Thông tin khuyến nông - Thị trường	800	800		
	+ Ứng dụng công nghệ Nano Bạc để bảo quản Nhãn, hạn chế tác hại của côn trùng, chống rụng quả và nứt quả	500	500		
	+ Kinh phí phục vụ giao ban trực tuyến	50	50		
	+ Hội nghị tập huấn thống kê Ngành (mở rộng tập huấn cán bộ nông nghiệp cấp huyện và cấp xã)	50	50		
	+ Tham quan mô hình hiệu quả kinh tế cao	60	60		
	+ Chính lý tài liệu lưu trữ	50	50		
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc	200	200		
	+ Mua trang phục Thanh tra	18	18		
	+ Kinh phí diệt mối	98	98		
	+ Tổ chức chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap (thực hành SXNN tốt) trên một số cây ăn quả chủ lực giai đoạn 2018-2020	1.000	1.000		
	+ Hỗ trợ Ban chỉ đạo Đề án tích tụ, tập trung ruộng đất để SXNN hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017-2020 (60 trđ); BCD Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp (80 trđ)	140	140		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Thuê tư vấn xây dựng thuyết minh Đề án "Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên"	300	300		
	+ Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP	75	75		
2	Các đề án, dự án do Sở Nông nghiệp và	14.000	14.000	100%	100%
	+ Dự án tăng cường khảo nghiệm để phát triển nhanh những giống cây trồng mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng tỉnh HY giai đoạn 2016-2020	2.000	2.000		
	+ Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo hướng Vietgahp	1.000	1.000		
	+ Đề án giống vật nuôi	1.000	1.000		
	+ Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản	1.000	1.000		
	+ Đề án "Chọn lọc, duy trì giống nếp Thơm Hưng Yên và phục tráng một số giống lúa chủ lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022"	2.000	2.000		
	+ Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023	4.000	4.000		
	+ Kinh phí hỗ trợ mua giống và lưu giữ giống gốc: cây đầu dòng, gà	1.000	1.000		
	+ Vốn đối ứng Dự án Lifsap	2.000	2.000		
3	Chi cục Bảo vệ thực vật	10.165	10.165	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	6.330	6.330		
	- <i>Không tự chủ</i>	3.835	3.835		
	+ Tiền làm thêm giờ cho cán bộ CCVC trực phòng trừ sâu bệnh hàng năm	350	350		
	+ May đồng phục, trang phục thanh tra, kiểm dịch	25	25		
	+ Chi lấy mẫu, kiểm định mẫu thuốc BVTV	100	100		
	+ Chi tập huấn chuyển giao kỹ thuật BVTV	300	300		
	+ Tập huấn kỹ thuật diệt chuột diện rộng	130	130		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Dự án "Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) gắn với sản xuất nông sản hữu cơ trên cây trồng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2021"	2.500	2.500		
	+ Mua sắm TTB, TSCĐ	240	240		
	+ Xây dựng hệ thống bẫy đèn để cảnh báo phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam	130	130		
	+ Tiền thuê trụ sở làm việc trạm Văn Lâm	60	60		
4	Chi cục Kiểm lâm	2.060	2.060	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	<i>1.800</i>	<i>1.800</i>		
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>260</i>	<i>260</i>		
	+ Trang phục kiểm lâm	40	40		
	+ Kinh phí đảm bảo hoạt động của lực	180	180		
	+ Mua máy tính và máy in cho các phòng	40	40		
5	Chi cục Phát triển nông thôn	13.681	13.681	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	<i>2.753</i>	<i>2.753</i>		
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>10.928</i>	<i>10.928</i>		
	+ Tập huấn trang trại	300	300		
	+ Hỗ trợ thực hiện dự án cơ giới hóa NN theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh (trong đó có máy cuộn rơm)	2.000	2.000		
	+ Kinh phí tập huấn Hợp tác xã và tổ hợp tác	300	300		
	+ Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND	6.000	6.000		
	+ Tổ chức thẩm định công nhận và khen thưởng làng nghề	70	70		
	+ Tuyên truyền Chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề và bảo vệ môi trường	200	200		
	+ Tập huấn ngành nghề và làng nghề nông thôn	100	100		
	+ Mua sắm máy vi tính, máy in	60	60		
	+ Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác	600	600		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Xây dựng Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh HY giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030 (Ocop)" còn thiếu	198	198		
	+ Thực hiện Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh HY giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030 (Ocop)"	1.000	1.000		
	+ Hoạt động BCD đổi mới, phát triển kinh tế tập thể HTX Theo QĐ 1546/QĐ-UBND ngày 01/6/2017	50	50		
	+ Hội nghị kiểm tra, giám sát, tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ trẻ về làm việc ở HTX theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 09/07/2018	50	50		
6	Chi cục QLCL Nông lâm sản và Thủy sản	8.498	8.498	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	1.399	1.399		
	- <i>Không tự chủ</i>	7.099	7.099		
	+ Thanh, kiểm tra đánh giá cơ sở SXKD, nông lâm thủy sản	150	150		
	+ Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo tập huấn kiến thức ATTP nông lâm thủy sản	250	250		
	+ Giám sát cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh	200	200		
	+ Đề án xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản (rau, quả, thịt, cá) đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020	5.000	5.000		
	+ Tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy trình công nghệ, điều kiện an toàn cơ sở chế biến bảo quản nông lâm thủy sản	200	200		
	+ Vốn đối ứng Dự án - JICA "Tăng cường độ tin cậy trong SX cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc"	300	300		
	+ Trang phục thanh tra	25	25		
	+ Xây dựng, phát triển ban đầu mô hình quản lý chuỗi thực phẩm an toàn.	800	800		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Máy móc, thiết bị văn phòng và máy móc hoạt động chuyên môn	174	174		
7	Chi cục QL đề điều và PCLB	8.555	8.555	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	<i>5.380</i>	<i>5.380</i>		
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>3.175</i>	<i>3.175</i>		
	- <i>Hoạt động của Chi cục</i>	<i>2.575</i>	<i>2.575</i>		
	+ Phụ cấp trực làm đêm, làm thêm giờ PCLB, xăng xe, điện thoại	200	200		
	+ Thuê kiểm kê kho vật tư chống lụt	100	100		
	+ Trợ cấp thủ công, thủ đá, thủ kho	200	200		
	+ Sắc phục Hạt Quản lý đề	100	100		
	+ Khí tượng thủy văn	300	300		
	+ Khảo sát đề kê	100	100		
	+ Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ chi tiết tuyến sông Hồng, sông Luộc trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	1.545	1.545		
	+ Sửa chữa kho vật tư PCLB, cải tạo sân trước trụ sở; sơn lại cổng, tường rào hoa sắt (Hạt QLĐ Kim Động)	30	30		
	- <i>Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh</i>	<i>600</i>	<i>600</i>		
8	Chi cục thú y	35.897	35.897	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	<i>6.967</i>	<i>6.967</i>		
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>28.930</i>	<i>28.930</i>		
	+ Tiêm phòng gia súc, gia cầm	23.000	23.000		
	+ Mua hóa chất khử trùng tiêu độc phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản	5.000	5.000		
	+ Hoạt động thanh tra chuyên ngành	130	130		
	+ Trang phục chuyên ngành	100	100		
	+ Tập huấn về công tác thú y	400	400		
	+ KP phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y	240	240		
	+ Thuê nhà cho trạm thú y huyện Văn Lâm	60	60		
9	Chi cục thủy lợi	1.447	1.447	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	<i>1.172</i>	<i>1.172</i>		
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>275</i>	<i>275</i>		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Trục chống úng, chống hạn nội đồng, xăng xe, điện thoại	160	160		
	+ Thanh tra chuyên ngành: Máy trang phục thanh tra, chi hoạt động thanh tra	40	40		
	+ Mua 02 bộ máy vi tính để bàn, sửa chữa tài sản cố định, trang thiết bị làm việc	75	75		
10	Chi cục Thủy sản	3.947	3.947	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	826	826		
	- <i>Không tự chủ</i>	3.121	3.121		
	+ Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	220	220		
	+ Bảo vệ tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản	200	200		
	+ Dự án Phát triển công nghệ "Nuôi cá sông trong ao nước tĩnh"	1.000	1.000		
	+ Dự án "Phát triển cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021" (Trong đó, hỗ trợ kinh phí xây dựng lồng nuôi 750 trđ)	1.350	1.350		
	+ Trang phục thanh tra	16	16		
	+ Tủ hút khí độc	65	65		
	+ Kinh phí kiểm tra dịch bệnh và chất lượng môi trường nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh	270	270		
11	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.766	2.766	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	762	762		
	- <i>Không tự chủ</i>	2.004	2.004		
	+ Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo	284	284		
	+ Tiền làm ngoài giờ của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh và các thành viên giúp việc	460	460		
	+ In ấn tài liệu, sổ tay tuyên truyền NTM	340	340		
	+ Duy trì Website nông thôn mới	80	80		
	+ Hoạt động điều hành, giám sát, đánh giá	180	180		
	+ Tuyên truyền chương trình nông thôn mới	200	200		
	+ Chi thăm định xã đạt chuẩn nông thôn mới	260	260		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Chi thăm tra, thăm định và công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ XD NTM	200	200		
12	Trung tâm Khuyến nông	10.620	10.620	100%	100%
	- Chi hoạt động thường xuyên	5.240	5.240		
	- Chi hoạt động không thường xuyên	5.380	5.380		
	+ Thông tin, tuyên truyền về khuyến nông	100	100		
	+ Thâm canh vải theo hướng Vietgap	180	180		
	+ Dự án xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch tại tỉnh Hưng Yên (hỗ trợ máy ép phân)	890	890		
	+ Mô hình nhãn Vietgap	1.000	1.000		
	+ Dự án ứng dụng công nghệ cao để trồng dưa vàng, dưa lưới ở tỉnh Hưng Yên phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2017-2020	840	840		
	+ Tập huấn kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi, nâng cao hiệu quả sản xuất NN	300	300		
	+ Mô hình nhân giống bò chuyên thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo	160	160		
	+ Mô hình Chăn nuôi gà Đông Tảo lai an toàn sinh học	330	330		
	+ Mô hình vỗ béo bò thịt	250	250		
	+ Mô hình Nuôi ghép cá Chép lai V1 theo hướng Vietgap	300	300		
	+ Mua TTB làm việc cho GD, PGD và 03 viên chức mới tuyển dụng	130	130		
	+ Mô hình thâm canh cây có múi theo hướng VietGap	300	300		
	+ Mô hình nuôi cá trắm cỏ trong lồng	300	300		
	+ Mô hình sản xuất nấm tập trung	300	300		
13	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT	1.913	1.913	100%	100%
	- Chi hoạt động thường xuyên	1.513	1.513		
	- Chi hoạt động không thường xuyên	400	400		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Kinh phí chi tuần lễ nước sạch và VSMTNT	150	150		
	+ Kinh phí cho công tác điều tra, giám sát, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và VSMTNT	200	200		
	+ Mua sắm trang thiết bị làm việc (02 VC mới tuyển dụng năm 2018)	50	50		
14	Chi sự nghiệp kinh tế khác, các quy hoạch ngành, lĩnh vực	2.000	2.000	100%	100%
	- BQL dự án ĐTXD công trình NN&PTNT: Hỗ trợ xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Tân Hưng	2.000	2.000		

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn./.

Hưng Yên, ngày 06 tháng 01 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

